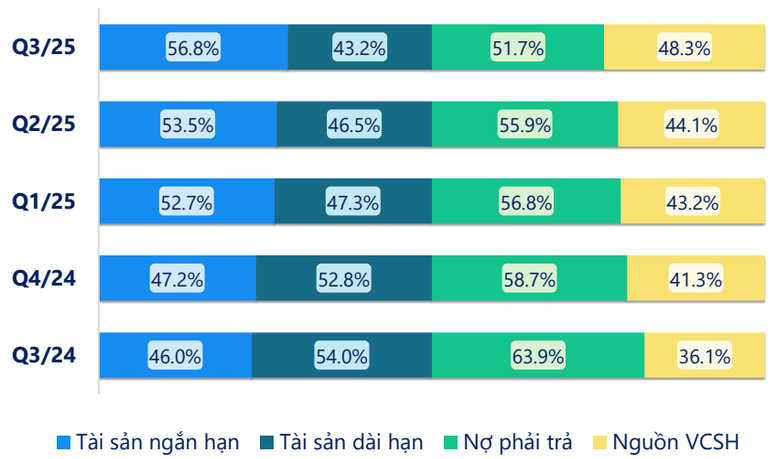
FireAnt

Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP (HNX: KSV)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	156,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	296,794
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	44,197
SL cổ phiếu LH	200,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,115
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	31,200
P/E	16.8
EPS	9,291

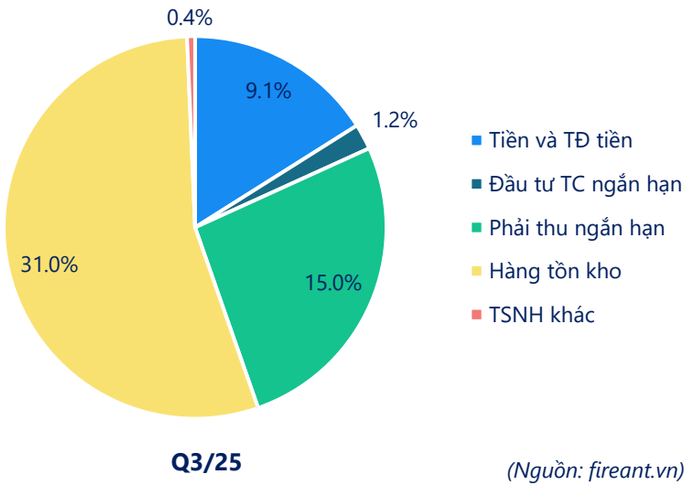
	YTD	1T	3T	6T
KSV	54.0%	0.0%	-3.7%	-23.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



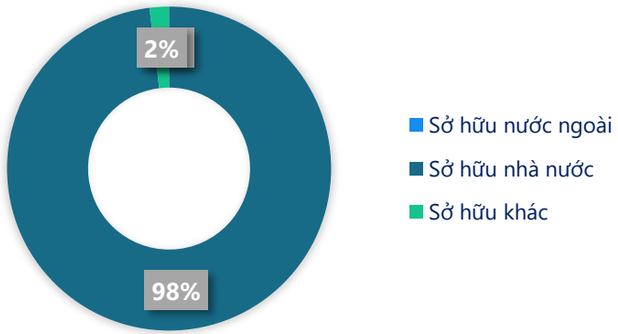
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



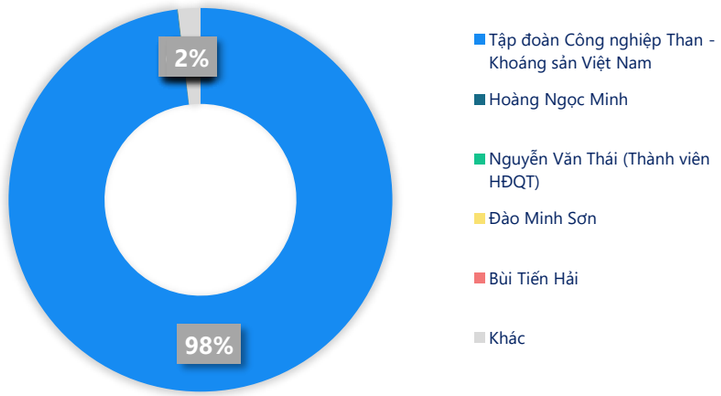
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



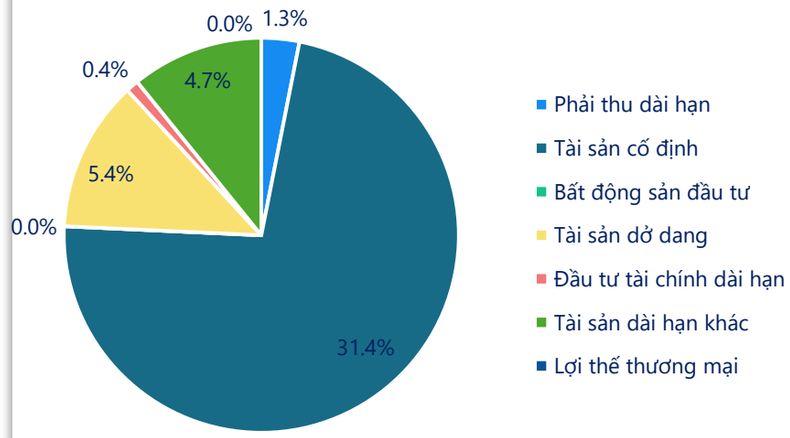
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

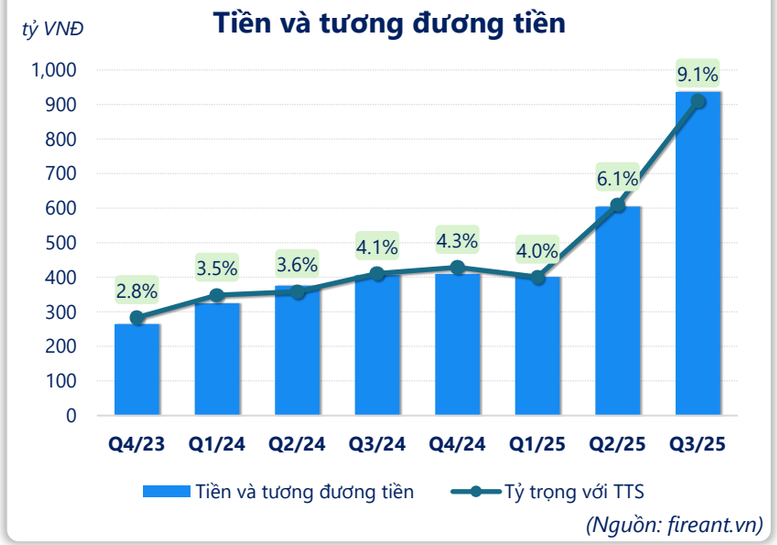


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

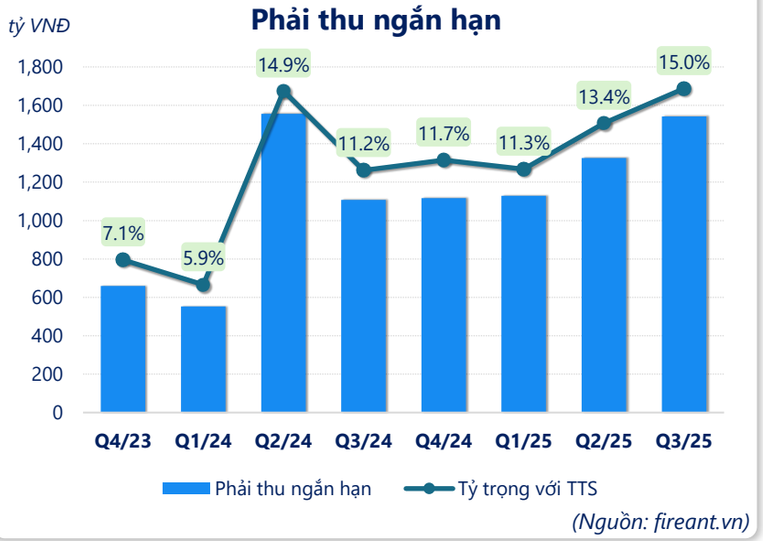
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP (HNX: KSV)

Tiền và tương đương tiền



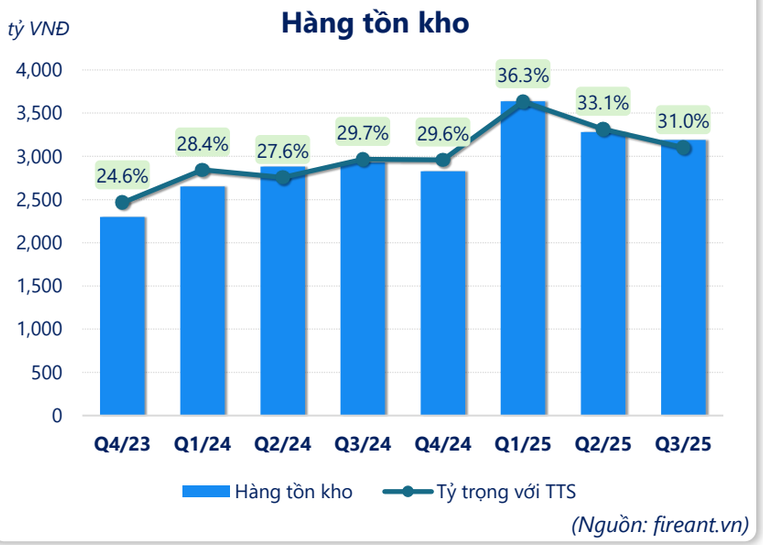
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



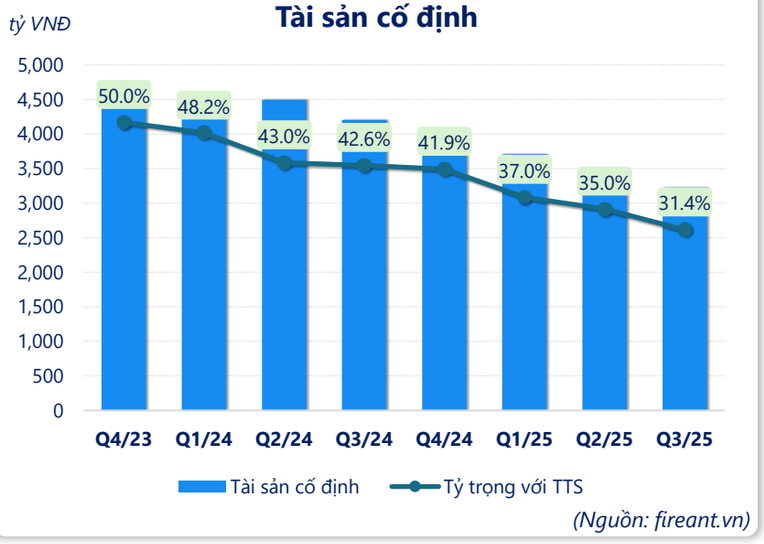
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



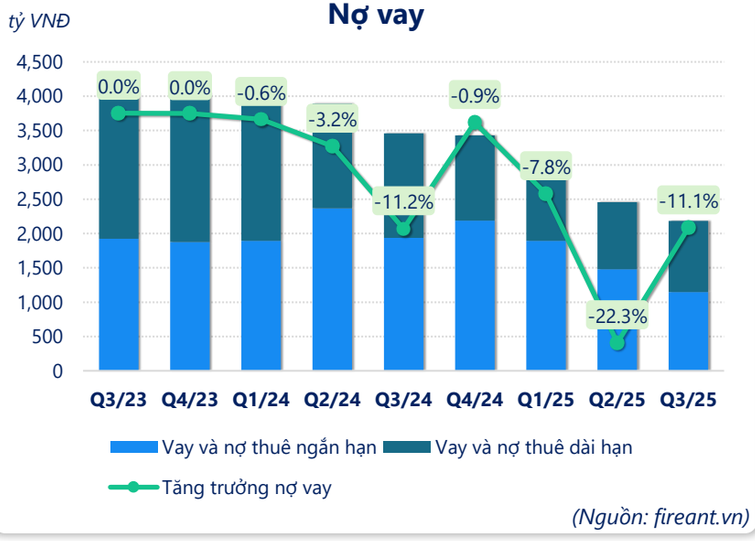
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



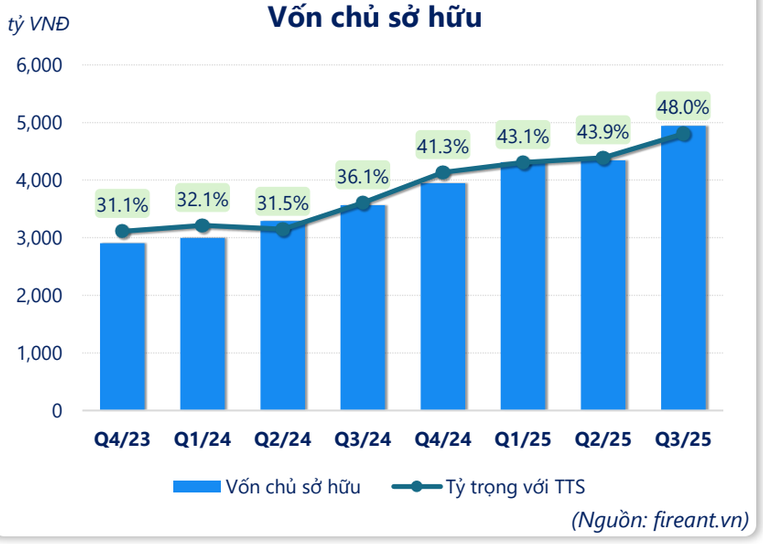
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

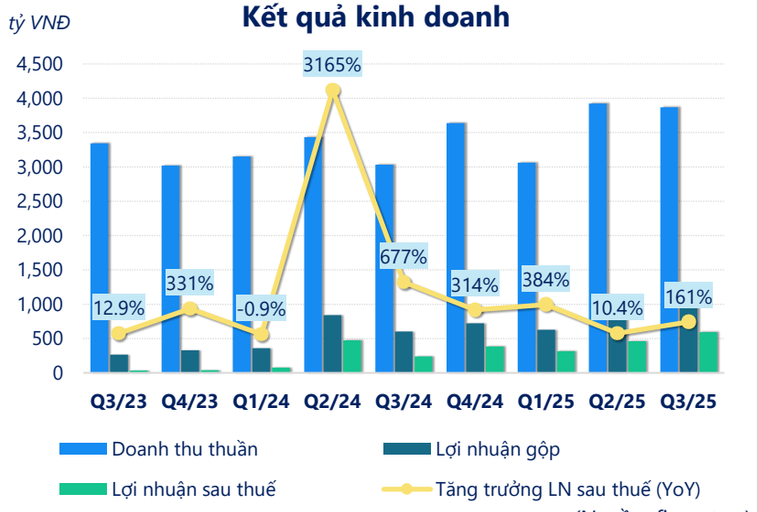


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

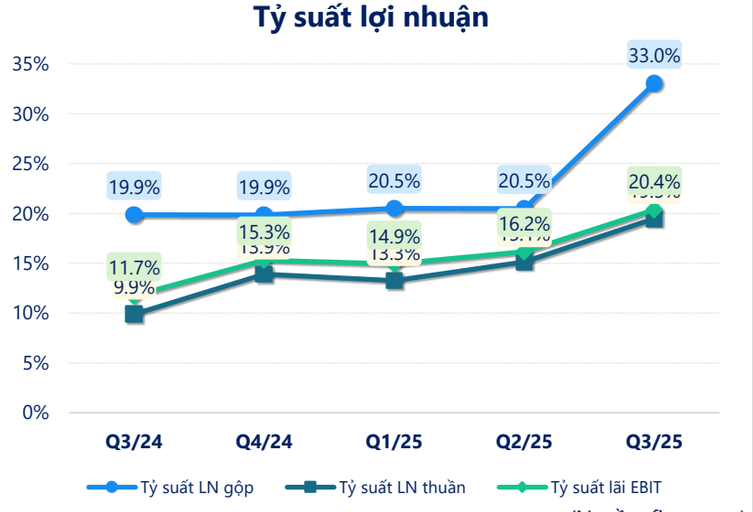
Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP (HNX: KSV)

Kết quả kinh doanh



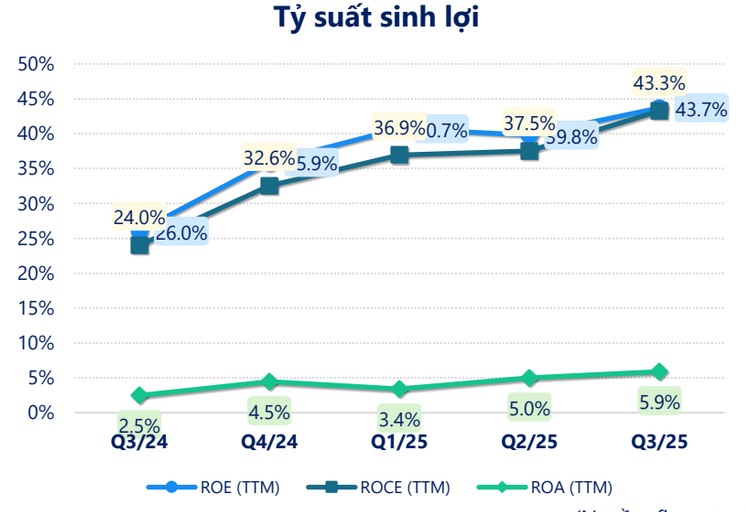
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



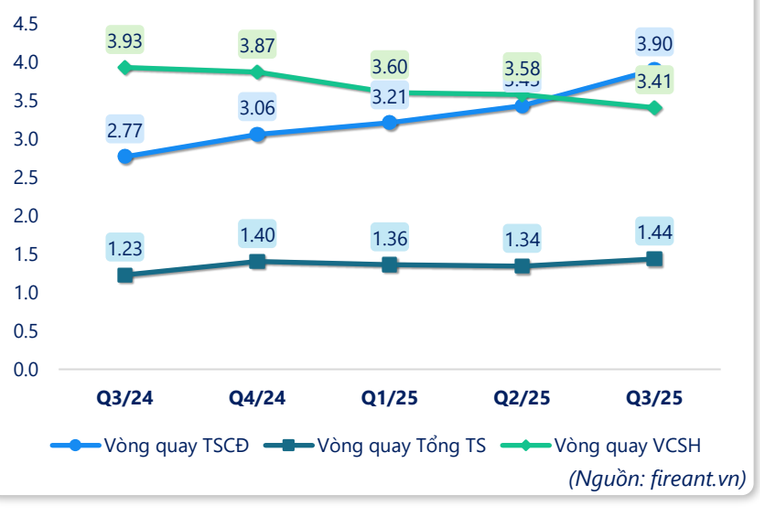
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



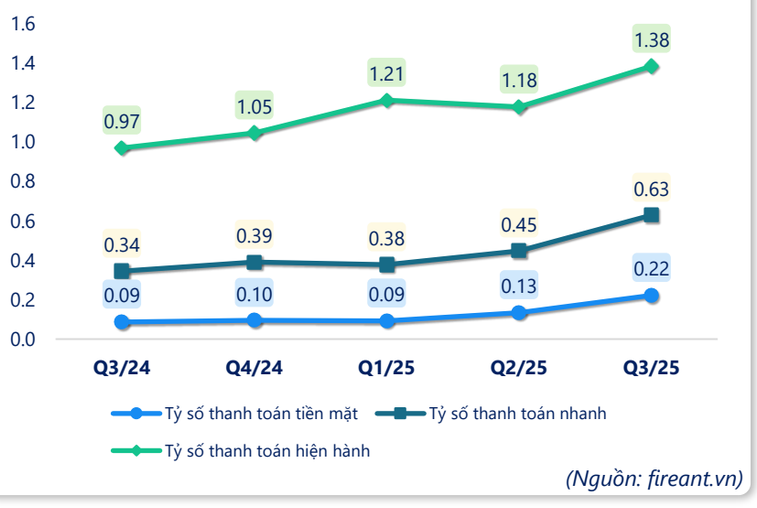
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



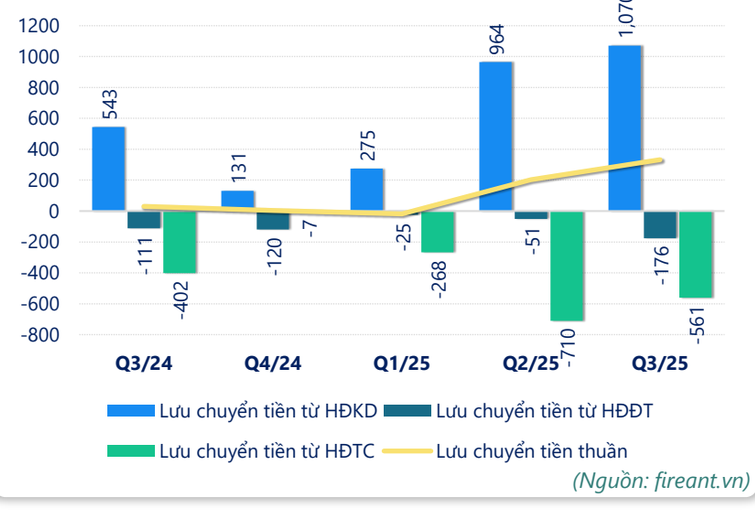
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

Tổng Công ty Khoáng sản TKV - CTCP (HNX: KSV)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**10,286**	**9,614**	**7.0%**
Tài sản ngắn hạn	5,844	4,570	27.9%
Tiền và tương đương tiền	936	419	123%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	126	47.1	168%
Phải thu ngắn hạn	1,543	1,124	37.3%
Hàng tồn kho	3,190	2,868	11.2%
Tài sản ngắn hạn khác	39.4	112	-64.9%
Tài sản dài hạn	**4,441**	**5,044**	**-11.9%**
Phải thu dài hạn	138	120	14.5%
Tài sản cố định	3,226	4,001	-19.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	551	332	65.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	46.2	46.2	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**481**	**544**	**-11.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	5,319	5,603	-5.1%
Nợ ngắn hạn	**4,222**	**4,303**	**-1.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,149	2,186	-47.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,002	1,096	-8.6%
Nợ dài hạn	1,097	1,300	-15.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	1,035	1,244	-16.8%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**4,967**	**4,011**	**23.8%**
Vốn chủ sở hữu	**4,941**	**3,992**	**23.8%**
Vốn điều lệ	2,000	2,000	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**25.5**	**18.8**	**35.6%**

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	3,031	3,636	3,062	3,922	3,868
Giá vốn hàng bán	2,429	2,914	2,434	3,119	2,590
Lợi nhuận gộp	602	722	628	803	1,278
Doanh thu HĐTC	5.12	1.21	1.16	9.34	2.14
Chi phí TC	51.6	64.5	51.7	53.4	39.5
Chi phí lãi vay	57.9	56.8	51.6	47.5	39.5
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	32.9	37.6	29.8	37.3	38.2
Chi phí QLDN	223	115	142	128	449
LN thuần từ HĐKD	300	506	406	594	754
Lợi nhuận khác	-1.50	-5.71	-0.56	-7.32	-5.36
LN trước thuế	298	500	405	587	748
Lợi nhuận sau thuế	239	383	314	459	594
LNST của CĐ cty mẹ	256	422	331	511	595

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	543	131	275	964	1,070
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-111	-120	-25.4	-50.9	-176
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-402	-6.84	-268	-710	-561
Tiền đầu kỳ	375	406	419	401	604
Lưu chuyển tiền thuần	**30.5**	**3.67**	**-18.3**	**203**	**332**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	406	410	401	604	936

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic